

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2018.

Số: 150/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 152/2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

Anh Đặng Hữu Đ., sinh năm 1975

Chị Hoàng Thị T., sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú hiện nay: số 91/164 phố Vương Thừa Vũ, phường K., T., thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm 1, tiểu mục I, mục B danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đặng Hữu Đ., sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú hiện nay và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 91/164 phố Vương Thừa Vũ, phường K., T., thành phố Hà Nội.

Chị Hoàng Thị T., sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã Thọ Nghiệp, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ cư trú hiện nay: số 91/164 phố Vương Thừa Vũ, phường K., T., thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Đặng Hữu Đ. và chị Hoàng Thị T. thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Hữu Đ. và chị Hoàng Thị T. có 02 con chung là: Đặng Hà My (nữ), sinh ngày 06.9.2010 và Đặng Bảo Dung (nữ) sinh ngày 28.03.2013.

Sau khi ly hôn, Anh Đặng Hữu Đ. và chị Hoàng Thị T. thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung Đặng Hà My và Đặng Bảo Dung cho chị Hoàng Thị T. trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Hữu Đ. đóng góp nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho chị Thu kể từ tháng 4.2018 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đặng Hữu Đ. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng: Anh Đặng Hữu Đ. và chị Hoàng Thị T. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Anh Đặng Hữu Đ. và chị Hoàng Thị T. mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0004618 và biên lai số 0004617 ngày 26.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T.;
- UBND xã Thọ Nghiệp, Xuân Trường, Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).